

MỤC LỤC

PHẦN MỞ ĐẦU	4
CỐ ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ	4
Điều 1. Giải thích thuật ngữ	4
TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY	5
Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh và thời hạn hoạt động của Công ty	5
Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty	5
Bảo hiểm Viễn Đông có 02 người đại diện theo pháp luật, bao gồm:	5
- Chủ tịch Hội đồng quản trị	5
- Tổng Giám đốc	5
III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA BẢO HIỂM VIỄN ĐÔNG	5
Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Bảo hiểm Viễn Đông	5
Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Công ty	6
IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP	6
Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập	6
Điều 7. Các loại vốn khác	8
Điều 8. Chứng nhận cổ phiếu	8
Điều 9. Chứng chỉ chứng khoán khác	9
Điều 10. Chuyển nhượng, chào bán cổ phần	9
Điều 11. Thừa kế cổ phần	10
Điều 12. Mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông	10
Điều 13. Mua lại cổ phần theo quyết định của Bảo Hiểm Viễn Đông	11
Điều 14. Điều kiện thanh toán và xử lý các cổ phần được mua lại	11
Điều 15. Thu hồi tiền thanh toán cổ phần mua lại	12
V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT	12
Điều 16. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát	12
VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG	12
Điều 17. Quyền của cổ đông	12
Điều 18. Nghĩa vụ của cổ đông	13
Điều 19. Nghĩa vụ báo cáo về sở hữu của cổ đông lớn	14
Điều 20. Đại hội đồng cổ đông	14
Điều 21. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông	16
Điều 22. Ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông	16
Điều 23. Thay đổi các quyền	17
Điều 24. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông	17
Điều 25. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông	18
Điều 26. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông	19
Điều 27. Điều kiện để Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua	20
Điều 28. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông	21
Điều 29. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông	22
Điều 30. Yêu cầu hủy bỏ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông	23

VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	23
Điều 31. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị.....	23
Điều 32. Thành phần, nhiệm kỳ và điều kiện, tiêu chuẩn của thành viên Hội đồng quản trị.....	24
Điều 33. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị	25
Điều 34. Thủ lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị.....	26
Điều 35. Chủ tịch Hội đồng quản trị.....	27
Điều 36. Cuộc họp của Hội đồng quản trị.....	27
Điều 37. Người phụ trách quản trị công ty	28
VIII. TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC	29
Điều 38. Tổ chức bộ máy quản lý	29
Điều 39. Người điều hành Bảo hiểm Viễn Đông	29
Điều 40. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc	29
Điều 41. Bãi nhiệm, miễn nhiệm Tổng Giám Đốc	31
IX. BAN KIỂM SOÁT.....	31
Điều 42. Ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát.....	31
Điều 43. Thành phần Ban Kiểm soát	31
Điều 44. Trưởng Ban kiểm soát.....	32
Điều 45. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát	33
Điều 46. Cuộc họp của Ban kiểm soát.....	33
Điều 47. Tiền lương, thủ lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát	33
X. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HĐQT, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC	34
Điều 48. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi	34
Điều 49. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường	34
XI. QUYỀN TRA CỨU SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY	34
Điều 50. Quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ	34
XII. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN.....	35
XIII. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN	35
Điều 52. Lợi nhuận.....	35
Điều 53. Phân phối lợi nhuận	36
XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN	36
Điều 54. Tài khoản ngân hàng	36
Điều 55. Năm tài chính	36
Điều 56. Chế độ kế toán.....	37
Điều 57. Ký quỹ, quỹ dự trữ bắt buộc	37
Điều 58. Quỹ và dự phòng nghiệp vụ.....	37
XV. BÁO CÁO TÀI CHÍNH, BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN	37
Điều 59. Báo cáo tài chính năm, bán niên và quý.....	37
XVI. KIỂM TOÁN	38
Điều 60. Kiểm toán.....	38
XVII: CÔNG BỐ THÔNG TIN	38
Điều 61. Đối tượng và phương thức công bố thông tin	38
XVIII. DẤU CỦA DOANH NGHIỆP	38
Điều 63. Dấu của doanh nghiệp.....	38

XIX. GIẢI THỂ CÔNG TY.....	38
Điều 64. Giải thể công ty.....	38
Điều 65. Gia hạn hoạt động.....	39
Điều 66. Thanh lý.....	39
XX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ.....	39
Điều 67. Giải quyết tranh chấp nội bộ.....	39
XXI. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ.....	40
Điều 68. Điều lệ của Bảo hiểm Viễn Đông.....	40
XXII. NGÀY HIỆU LỰC.....	40
Điều 69. Ngày hiệu lực.....	40

DỰ THẢO ĐIỀU LỆ CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM VIỄN ĐÔNG

PHẦN MỞ ĐẦU

Điều lệ này được thông qua theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông số/2025/NQ-VASS/ĐHĐCĐ ngày 29 tháng 04 năm 2025.

I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ

Điều 1. Giải thích thuật ngữ

1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:

- a. *Vốn điều lệ* là tổng mệnh giá cổ phần đã bán hoặc được đăng ký mua khi thành lập Bảo hiểm Viễn Đông và theo quy định tại Điều 6 Điều lệ này;
- b. *Vốn có quyền biểu quyết* là vốn cổ phần, theo đó người sở hữu có quyền biểu quyết về những vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- c. *Luật Doanh nghiệp* là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020;
- d. *Ngày thành lập* là ngày Bảo hiểm Viễn Đông được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và các giấy tờ có giá trị tương đương) lần đầu;
- e. *Người điều hành doanh nghiệp* là Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và người điều hành khác theo quy định của Điều lệ công ty;
- f. *Người quản lý doanh nghiệp* là người quản lý Bảo hiểm Viễn Đông, bao gồm Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cá nhân giữ chức danh quản lý khác theo quy định tại Điều lệ công ty;
- g. *Người có liên quan* là cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 23 Điều 4 Luật Doanh nghiệp;
- h. *Cổ đông* là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần của Bảo hiểm Viễn Đông;
- i. *Cổ đông sáng lập* là cổ đông sở hữu ít nhất một cổ phần phổ thông và ký tên trong danh sách cổ đông sáng lập của Bảo hiểm Viễn Đông;
- j. *Cổ đông lớn* là cổ đông sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Bảo hiểm Viễn Đông;
- k. *Thời hạn hoạt động* là thời gian hoạt động của Bảo hiểm Viễn Đông được quy định tại Điều 2 Điều lệ này và thời gian gia hạn (nếu có) được Đại hội đồng cổ đông của công ty thông qua;
- l. *Cổ tức* là khoản lợi nhuận ròng được trả cho mỗi cổ phần bằng tiền mặt hoặc bằng tài sản khác từ nguồn lợi nhuận còn lại của Bảo hiểm Viễn Đông sau khi đã thực hiện nghĩa vụ về tài chính.
- m. *Thông tin cổ đông* là các thông tin theo quy định tại Khoản 2 Điều 122 Luật Doanh Nghiệp.
- n. *Bảo hiểm Viễn Đông* được hiểu là Công ty cổ phần Bảo hiểm Viễn Đông
- o. *HĐQT* là viết tắt của Hội đồng Quản trị.
- p. *ĐHĐCĐ* là viết tắt của Đại hội đồng Cổ đông.
- q. *BKS* là viết tắt của Ban Kiểm soát.

2. Trong Điều lệ này, các tham chiếu tới một hoặc một số quy định hoặc văn bản khác bao gồm cả những sửa đổi, bổ sung hoặc văn bản thay thế.

3. Các tiêu đề (Mục, Điều của Điều lệ này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Điều lệ này.

II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY

Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh và thời hạn hoạt động của Công ty

1. Tên Công ty

- Tên Công ty viết bằng tiếng Việt: **CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM VIỄN ĐÔNG**
- Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài: **VIENDONG ASSURANCE CORPORATION**
- Tên Công ty viết tắt: **BẢO HIỂM VIỄN ĐÔNG, hoặc VASS**

2. Bảo hiểm Viễn Đông là Công ty cổ phần có tư cách pháp nhân phù hợp với pháp luật hiện hành của Việt Nam.

3. Trụ sở đăng ký của Bảo hiểm Viễn Đông:

- Địa chỉ trụ sở chính: 19 Phùng Khắc Khoan, Phường Đa Kao, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
- Website: www.vass.com.vn

4. Bảo hiểm Viễn Đông có thể thành lập chi nhánh và văn phòng đại diện tại địa bàn kinh doanh để thực hiện các mục tiêu hoạt động của công ty phù hợp với quyết định của HĐQT và trong phạm vi luật pháp cho phép.

5. Trừ khi chấm dứt hoạt động trước thời hạn quy định tại khoản 2 Điều 64 hoặc gia hạn hoạt động theo quy định tại Điều 65 Điều lệ này, thời hạn hoạt động của Bảo hiểm Viễn Đông là 50 năm kể từ ngày thành lập.

6. Bảo hiểm Viễn Đông có thể giải thể trước thời hạn hoặc kéo dài thêm thời gian hoạt động theo quyết định của ĐHĐCĐ và sau khi có sự chấp thuận của Bộ Tài chính.

Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty

Bảo hiểm Viễn Đông có 02 người đại diện theo pháp luật, bao gồm:

- Chủ tịch Hội đồng quản trị
- Tổng Giám đốc

Chủ tịch Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc được thực hiện tất cả các quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật. Mỗi người đại diện theo pháp luật của công ty đều là đại diện đủ thẩm quyền của Công ty trước bên thứ ba.

III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA BẢO HIỂM VIỄN ĐÔNG

Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Bảo hiểm Viễn Đông

1. Ngành, nghề kinh doanh của Bảo hiểm Viễn Đông:

a. Kinh doanh bảo hiểm:

Kinh doanh bảo hiểm phi nhân thọ bao gồm:

- Bảo hiểm sức khỏe và bảo hiểm tai nạn con người;
- Bảo hiểm tài sản và bảo hiểm thiệt hại;
- Bảo hiểm hàng hóa vận chuyển đường bộ, đường biển, đường sông, đường sắt và đường không;
- Bảo hiểm hàng không;

- Bảo hiểm xe cơ giới;
- Bảo hiểm cháy nổ;
- Bảo hiểm thân tàu và trách nhiệm dân sự của chủ tàu;
- Bảo hiểm trách nhiệm chung;
- Bảo hiểm thiệt hại kinh doanh;
- Bảo hiểm nông nghiệp;
- Các nghiệp vụ bảo hiểm phi nhân thọ khác do Chính phủ quy định.

Kinh doanh tái bảo hiểm:

Nhận và nhượng tái bảo hiểm liên quan đến các nghiệp vụ bảo hiểm trực tiếp nêu tại Khoản này.

b. Các dịch vụ liên quan đến bảo hiểm:

Giám định, điều tra, tính toán, phân bổ tổn thất, đại lý giám định, đại lý giải quyết bồi thường và thu đòi bồi thường từ người thứ ba.

c. Đầu tư vốn:

- Mua trái phiếu chính phủ;
- Mua cổ phiếu, trái phiếu doanh nghiệp;
- Kinh doanh bất động sản;
- Góp vốn vào các doanh nghiệp khác;
- Cho vay theo quy định của Luật Các tổ chức tín dụng;
- Gửi tiền tại các tổ chức tín dụng;
- Đầu tư các công ty con, liên doanh, liên kết với các doanh nghiệp trong và ngoài nước;
- Và hoạt động đầu tư khác theo quy định của pháp luật.

d. Các hoạt động kinh doanh khác mà pháp luật không cấm.

2. Mục tiêu hoạt động của Bảo hiểm Viễn Đông:

Bảo Hiểm Viễn Đông được thành lập để huy động và sử dụng vốn có hiệu quả trong việc kinh doanh bảo hiểm, đầu tư tài chính và dịch vụ có liên quan nhằm các mục tiêu:

- Tối đa hóa các khoản lợi nhuận của Bảo Hiểm Viễn Đông;
- Góp phần ổn định tài chính cho các doanh nghiệp và cá nhân trước các rủi ro bất ngờ;
- Đóng góp cho ngân sách Nhà nước;
- Tăng lợi tức cho các cổ đông;
- Đóng góp vào sự phát triển kinh tế - xã hội của đất nước;
- Tạo việc làm ổn định, nâng cao đời sống cho người lao động.

Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Công ty

Bảo hiểm Viễn Đông được phép tiến hành hoạt động kinh doanh theo các ngành nghề quy định tại Điều lệ này đã đăng ký, thông báo thay đổi nội dung đăng ký với cơ quan đăng ký kinh doanh và đã công bố trên Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia.

IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP

Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập

- Vốn điều lệ của Bảo hiểm Viễn Đông là 700.000.000.000 đồng (bảy trăm tỷ đồng)

Tổng số vốn điều lệ của Bảo hiểm Viễn Đông được chia thành 70.000.000 cổ phần với mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần.

2. Bảo hiểm Viễn Đông có thể thay đổi vốn điều lệ khi được ĐHĐCĐ thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật.

Việc tăng vốn có thể theo các phương pháp sau:

- a. Phát hành cổ phiếu mới để huy động thêm vốn theo quy định của pháp luật;
- b. Chuyển đổi trái phiếu đã phát hành thành cổ phần;
- c. Thực hiện trả cổ tức bằng cổ phiếu;
- d. Chuyển các quỹ thuộc nguồn vốn chủ sở hữu, lợi nhuận chưa phân phối thành vốn điều lệ;
- e. Các cách thức khác mà pháp luật cho phép.

Vốn Điều lệ được sử dụng cho các mục tiêu của Bảo hiểm Viễn Đông và theo quy định của pháp luật.

Không được sử dụng vốn Điều lệ để chia cổ tức, phân phối hoặc phân tán tài sản cho các cổ đông dưới bất kỳ hình thức nào (trừ trường hợp ĐHĐCĐ quyết định khác mà không trái pháp luật).

3. Các cổ phần của Bảo hiểm Viễn Đông vào ngày thông qua Điều lệ này là cổ phần phổ thông, người sở hữu cổ phần phổ thông là cổ đông phổ thông. Các quyền và nghĩa vụ của cổ đông nắm giữ từng loại cổ phần được quy định tại Điều 17, Điều 18 Điều lệ này.
4. Bảo hiểm Viễn Đông có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi khác sau khi có sự chấp thuận của ĐHĐCĐ và phù hợp với các quy định của pháp luật. Người sở hữu cổ phần ưu đãi gọi là cổ đông ưu đãi. Người được quyền mua cổ phần ưu đãi cổ tức, ưu đãi hoàn lại do ĐHĐCĐ quyết định. Cổ phần ưu đãi tại Bảo Hiểm Viễn Đông gồm các loại sau đây:
- a. Cổ phần ưu đãi cổ tức;
 - b. Cổ phần ưu đãi hoàn lại.

Việc phát hành cổ phần mới được thực hiện theo quy định của pháp luật và do ĐHĐCĐ quyết định.

Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Bảo hiểm Viễn Đông, trừ trường hợp ĐHĐCĐ quyết định khác, số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do HĐQT của Bảo hiểm Viễn Đông quyết định. HĐQT có thể phân phối số cổ phần đó cho cổ đông và người khác với điều kiện không thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu trừ trường hợp ĐHĐCĐ có chấp thuận khác hoặc trong trường hợp được bán qua Sở giao dịch chứng khoán hoặc Trung tâm giao dịch chứng khoán.

Cổ phần khi phát hành thể hiện dưới hình thức cổ phiếu. Cổ phiếu khi phát hành ra phải có đủ các yếu tố theo quy định của pháp luật và quy định tại Điều lệ này mới có giá trị pháp lý. Khi phát hành cổ phần, phải vào sổ đăng ký cổ đông và sổ theo dõi phát hành cổ phần. Cổ đông của Bảo Hiểm Viễn Đông vào thời điểm phát hành thêm cổ phần được quyền ưu tiên mua cổ phần theo tỷ lệ tương ứng với số cổ phần hiện đang nắm giữ hoặc do ĐHĐCĐ quyết định hoặc ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT quyết định.

6. Bảo hiểm Viễn Đông có thể mua cổ phần do chính Bảo hiểm Viễn Đông đã phát hành theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và pháp luật hiện hành.
7. Bảo hiểm Viễn Đông có thể phát hành các loại chứng khoán khác theo quy định của pháp luật.

Trường hợp Bảo hiểm Viễn Đông phát hành thêm cổ phần phổ thông và chào bán số cổ phần đó cho tất cả các cổ đông phổ thông theo tỷ lệ cổ phần hiện có của họ tại Bảo hiểm Viễn Đông thì phải thực hiện theo quy định sau đây:

- a. Bảo hiểm Viễn Đông thông báo bằng văn bản đến các cổ đông theo phương thức bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của họ. Thông báo phải được đăng báo trong ba số liên tiếp trong thời hạn mười ngày, kể từ ngày thông báo;
- b. Thông báo phải có đầy đủ thông tin của cổ đông; số cổ phần và tỷ lệ cổ phần hiện có của cổ đông tại Bảo hiểm Viễn Đông; tổng số cổ phần dự kiến phát hành và số cổ phần cổ đông được quyền mua; giá chào bán cổ phần; thời hạn đăng ký mua; họ tên; chữ ký của người đại diện theo pháp luật của Bảo hiểm Viễn Đông. Thời hạn xác định trong thông báo phải hợp lý đủ để cổ đông đăng ký mua được cổ phần. Kèm theo thông báo phải có mẫu phiếu đăng ký mua do Bảo hiểm Viễn Đông phát hành.
- c. Cổ đông có quyền chuyển quyền ưu tiên mua cổ phần của mình cho người khác.
- d. Nếu phiếu đăng ký mua cổ phần không được gửi về Bảo hiểm Viễn Đông đúng hạn như thông báo thì cổ đông có liên quan coi như đã không nhận quyền ưu tiên mua. Trong trường hợp số cổ phần dự định phát hành không được cổ đông và người nhận chuyển quyền ưu tiên mua đăng ký mua hết thì số cổ phần dự kiến phát hành còn lại sẽ do HĐQT quản lý. HĐQT có thể phân phối số cổ phần đó cho cổ đông của Bảo hiểm Viễn Đông hoặc người khác theo cách thức hợp lý với điều kiện không thuận lợi hơn với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông, trừ trường hợp ĐHĐCĐ có chấp thuận khác hoặc cổ phần được chào bán qua Sở Giao dịch chứng khoán.

Điều 7. Các loại vốn khác

1. Vốn vay:

Bảo hiểm Viễn Đông huy động vốn bên ngoài bằng phương thức:

- a. Phát hành trái phiếu, trái phiếu chuyển đổi, các loại trái phiếu khác theo quy định của pháp luật. HĐQT quyết định loại trái phiếu, tổng giá trị trái phiếu và thời điểm phát hành;
- b. Vay vốn của ngân hàng, của các tổ chức tài chính trong và ngoài nước;
- c. Các phương thức khác theo quy định của pháp luật.

2. Vốn tích lũy:

Vốn tích lũy của Bảo hiểm Viễn Đông được hình thành từ kết quả kinh doanh, dùng để mở rộng và phát triển kinh doanh của Bảo hiểm Viễn Đông, góp vốn liên doanh với cá nhân, các tổ chức trong và ngoài nước.

3. Bảo hiểm Viễn Đông được tiếp nhận vốn đầu tư và phát triển của các cá nhân, tổ chức trong và ngoài nước, các loại vốn khác theo đúng pháp luật hiện hành để bổ sung cho nguồn vốn hoạt động kinh doanh.

Điều 8. Chứng nhận cổ phiếu

1. Cổ phiếu là chứng chỉ do Bảo hiểm Viễn Đông phát hành hoặc bút toán ghi sổ xác nhận quyền sở hữu một hoặc một số cổ phần của Bảo hiểm Viễn Đông. Cổ đông của Bảo hiểm Viễn Đông được cấp chứng nhận cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu;
2. Cổ phiếu là loại chứng khoán xác nhận quyền và lợi ích hợp pháp của người sở hữu đối với một phần vốn cổ phần của tổ chức phát hành. Cổ phiếu phải có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 1 Điều 121 Luật Doanh nghiệp. Trường hợp có sai sót trong nội dung và

hình thức cổ phiếu do Bảo hiểm Viễn Đông phát hành thì quyền và lợi ích của người sở hữu nó không bị ảnh hưởng. Người đại diện theo pháp luật Bảo hiểm Viễn Đông chịu trách nhiệm về thiệt hại do những sai sót đó gây ra.

3. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của Bảo hiểm Viễn Đông hoặc trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của Bảo hiểm Viễn Đông (hoặc thời hạn khác theo điều khoản phát hành quy định), người sở hữu số cổ phần được cấp chứng nhận cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho Bảo hiểm Viễn Đông chi phí in chứng nhận cổ phiếu.
4. Trường hợp cổ phiếu bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác thì cổ đông được Bảo hiểm Viễn Đông cấp lại cổ phiếu theo đề nghị của cổ đông đó. Đề nghị của cổ đông phải bao gồm các nội dung sau đây:
 - a. Thông tin về cổ phiếu đã bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác;
 - b. Cam kết đã tiến hành tìm kiếm hết mức và nếu tìm lại được thì sẽ đem trả cho Bảo hiểm Viễn Đông để tiêu hủy và chịu trách nhiệm về những tranh chấp phát sinh từ việc cấp lại cổ phiếu mới.

Điều 9. Chứng chỉ chứng khoán khác

Chứng chỉ trái phiếu hoặc chứng chỉ chứng khoán khác của Bảo hiểm Viễn Đông được phát hành có chữ ký của người đại diện theo pháp luật và dấu của Bảo hiểm Viễn Đông.

Điều 10. Chuyển nhượng, chào bán cổ phần

1. Tất cả các cổ phần được tự do chuyển nhượng trừ khi Điều lệ này và pháp luật có quy định khác, cổ phiếu niêm yết, đăng ký giao dịch trên Sở giao dịch chứng khoán được chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.
2. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán và các quyền lợi khác theo quy định của pháp luật.
3. HĐQT quyết định thời điểm, phương thức và giá chào bán cổ phần trong số cổ phần được quyền chào bán. Giá cổ phần chào bán không được thấp hơn giá thị trường tại thời điểm chào bán hoặc giá trị được ghi trong sổ sách của cổ phần tại thời điểm gần nhất, trừ những trường hợp sau:
 - a. Cổ phần chào bán lần đầu tiên cho những người không phải là cổ đông sáng lập;
 - b. Cổ phần chào bán cho tất cả cổ đông theo tỷ lệ cổ phần hiện có của họ tại Bảo hiểm Viễn Đông;
 - c. Cổ phần chào bán cho người môi giới hoặc người bảo lãnh. Trong trường hợp này, số chiết khấu hoặc tỷ lệ chiết khấu cụ thể phải được sự chấp thuận của số cổ đông đại diện cho ít nhất 75% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết;
4. Trường hợp Bảo hiểm Viễn Đông phát hành thêm cổ phần phổ thông và chào bán số cổ phần đó cho tất cả các cổ đông phổ thông theo tỷ lệ cổ phần hiện có của họ tại Bảo hiểm Viễn Đông thì phải thực hiện theo quy định sau đây:
 - a. Bảo hiểm Viễn Đông thông báo bằng văn bản đến các cổ đông theo phương thức bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của họ chậm nhất là 15 ngày trước ngày kết thúc thời hạn đăng ký mua cổ phần.

- b. Thông báo phải có đầy đủ thông tin của cổ đông; số cổ phần và tỷ lệ cổ phần hiện có của cổ đông tại Bảo hiểm Viễn Đông; tổng số cổ phần dự kiến phát hành và số cổ phần cổ đông được quyền mua; giá chào bán cổ phần; thời hạn đăng ký mua; họ tên; chữ ký của người đại diện theo pháp luật của Bảo hiểm Viễn Đông. Thời hạn xác định trong thông báo phải hợp lý đủ để cổ đông đăng ký mua được cổ phần. Kèm theo thông báo phải có mẫu phiếu đăng ký mua do Bảo Hiểm Viễn Đông phát hành.
 - c. Cổ đông có quyền chuyển quyền ưu tiên mua cổ phần của mình cho người khác.
 - d. Nếu phiếu đăng ký mua cổ phần không được gửi về Bảo Hiểm Viễn Đông đúng hạn như thông báo thì cổ đông có liên quan coi như đã không nhận quyền ưu tiên mua. Trong trường hợp số cổ phần dự định phát hành không được cổ đông và người nhận chuyển quyền ưu tiên mua đăng ký mua hết thì số cổ phần dự kiến phát hành còn lại sẽ do HĐQT quản lý. HĐQT có thể phân phối số cổ phần đó cho cổ đông của công ty hoặc người khác theo cách thức hợp lý với điều kiện không thuận lợi hơn với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông, trừ trường hợp ĐHCĐ có chấp thuận khác hoặc cổ phần được chào bán qua Sở Giao dịch chứng khoán.
5. Cổ phần được coi là đã bán khi được thanh toán đủ và những thông tin về người mua quy định tại Khoản 2 Điều 122 của Luật doanh nghiệp được ghi đúng, ghi đủ vào sổ đăng ký cổ đông; kể từ thời điểm đó, người mua cổ phần trở thành cổ đông của Bảo hiểm Viễn Đông;
 6. Sau khi cổ phần được bán, Bảo hiểm Viễn Đông phát hành và trao cổ phiếu cho người mua, Bảo hiểm Viễn Đông có thể bán cổ phần mà không trao cổ phiếu. Trong trường hợp này, các thông tin về cổ đông được ghi vào vào sổ đăng ký cổ đông là đủ để chứng thực quyền sở hữu cổ phần của cổ đông đó tại Bảo Hiểm Viễn Đông;
 7. Điều kiện, phương thức và thủ tục chào bán cổ phần ra công chúng thực hiện theo quy định của pháp luật về chứng khoán.

Điều 11. Thừa kế cổ phần

1. Trường hợp cổ đông là cá nhân chết, Bảo Hiểm Viễn Đông công nhận những người sau đây có quyền sở hữu một phần hay toàn bộ cổ phần của người đã chết:
 - a. Người thừa kế theo luật định;
 - b. Trường hợp có nhiều người cùng thừa kế hợp pháp thì họ phải cử đại diện sở hữu duy nhất bằng thủ tục ủy quyền. Việc ủy quyền phải được lập thành văn bản và có xác nhận của cơ quan công chứng, chứng thực theo quy định của pháp luật. Bảo hiểm Viễn Đông không giải quyết các trường hợp có tranh chấp quyền thừa kế giữa những người thừa kế với nhau cho đến khi được thỏa thuận hoặc được giải quyết bởi tòa án có thẩm quyền.
2. Sau khi xuất trình đầy đủ các giấy tờ chứng minh quyền thừa kế hợp pháp, người thừa kế sẽ đăng ký các loại cổ phần được thừa kế và trở thành cổ đông của Bảo Hiểm Viễn Đông;
3. Người thừa kế hợp pháp của cổ đông sẽ thừa kế các quyền và nghĩa vụ của cổ đông đó tại Bảo Hiểm Viễn Đông;
4. Khi cổ đông là tổ chức bị giải thể, sáp nhập, chia tách hoặc phá sản thì quyền tài sản liên quan đến cổ đông tổ chức đó được giải quyết theo quy định của pháp luật.

Điều 12. Mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông

1. Cổ đông biểu quyết phân đối quyết định về việc tổ chức lại công ty hoặc thay đổi quyền, nghĩa vụ của cổ đông quy định trong Điều lệ có quyền yêu cầu Bảo Hiểm Viễn Đông mua lại cổ phần của mình. Yêu cầu phải bằng văn bản, trong đó nêu rõ tên, địa chỉ của cổ đông, số lượng cổ phần từng loại, giá dự định bán, lý do yêu cầu Bảo Hiểm Viễn Đông mua lại. Yêu

cầu phải được gửi đến Bảo Hiểm Viễn Đông trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày ĐHĐCĐ thông qua quyết định về các vấn đề nêu tại Khoản 1 Điều này;

2. Bảo Hiểm Viễn Đông mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông quy định tại Khoản 1 Điều này với giá thị trường hoặc theo thỏa thuận trong thời hạn 90 ngày, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trường hợp không thỏa thuận được về giá trị thì cổ đông đó có quyền bán cổ phần cho người khác hoặc các bên có thể yêu cầu một tổ chức định giá chuyên nghiệp định giá. Bảo Hiểm Viễn Đông giới thiệu ít nhất ba tổ chức định giá chuyên nghiệp để cổ đông lựa chọn và lựa chọn đó là quyết định cuối cùng.

Điều 13. Mua lại cổ phần theo quyết định của Bảo Hiểm Viễn Đông

Bảo hiểm Viễn Đông có quyền mua lại không quá 30% tổng số cổ phần phổ thông đã bán, một phần hoặc toàn bộ cổ phần ưu đãi có tức đã bán theo quy định sau đây:

1. HĐQT có quyền quyết định mua lại không quá 10% tổng số cổ phần của mỗi loại đã được chào bán trong 12 tháng. Trong trường hợp khác, việc mua lại cổ phần do ĐHĐCĐ quyết định;
2. HĐQT quyết định giá mua lại cổ phần. Đối với cổ phần phổ thông, giá mua lại không được cao hơn giá thị trường tại thời điểm mua lại, trừ trường hợp quy định tại Khoản 3 Điều này. Đối với cổ phần loại khác, nếu Bảo hiểm Viễn Đông với cổ đông có liên quan không có thỏa thuận nào khác thì giá mua lại không được thấp hơn giá thị trường.
3. Bảo hiểm Viễn Đông có thể mua lại cổ phần của từng cổ đông tương ứng với tỷ lệ cổ phần của họ trong Bảo hiểm Viễn Đông. Trong trường hợp này, quyết định mua lại cổ phần của Bảo hiểm Viễn Đông phải được thông báo bằng phương thức bảo đảm đến tất cả các cổ đông trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày quyết định đó được thông qua. Thông báo phải có tên, địa chỉ trụ sở chính của Bảo hiểm Viễn Đông, tổng số cổ phần và loại cổ phần được mua lại, giá mua lại hoặc nguyên tắc định giá mua lại, thủ tục và thời hạn thanh toán, thủ tục và thời hạn để cổ đông chào bán cổ phần của họ cho Bảo hiểm Viễn Đông.
Cổ đông đồng ý bán lại cổ phần phải gửi văn bản đồng ý bán của mình bằng phương thức bảo đảm đến được Bảo hiểm Viễn Đông trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày thông báo. Văn bản đồng ý bán phải có đầy đủ thông tin cổ đông, số cổ phần sở hữu và số cổ phần chào bán; phương thức thanh toán, chữ ký của cổ đông hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông, Bảo hiểm Viễn Đông chỉ mua lại cổ phần được chào bán trong thời hạn nói trên.

4. Điều kiện mua lại cổ phần và các trường hợp không được mua lại cổ phần thực hiện theo quy định của pháp luật, của Bảo hiểm Viễn Đông.

Điều 14. Điều kiện thanh toán và xử lý các cổ phần được mua lại

1. Bảo hiểm Viễn Đông chỉ được quyền thanh toán cổ phần được mua lại cho cổ đông theo quy định Điều 13 và 14 của Điều lệ này nếu ngay sau khi thanh toán hết số cổ phần được mua lại, Bảo Hiểm Viễn Đông vẫn bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác;
2. Cổ phần mua lại theo yêu cầu của cổ đông hoặc theo quyết định của Bảo Hiểm Viễn Đông được coi là cổ phần thu về và thuộc số cổ phần được quyền chào bán;
3. Cổ phiếu xác nhận quyền sở hữu cổ phần đã được mua lại phải được tiêu hủy ngay sau khi cổ phần tương ứng đã được thanh toán đầy đủ. Chủ tịch HĐQT phải chịu trách nhiệm về thiệt hại do không tiêu hủy hoặc chậm tiêu hủy cổ phiếu gây ra đối với Bảo Hiểm Viễn Đông;
4. Sau khi thanh toán hết số cổ phần mua lại, nếu tổng giá trị tài sản được ghi trong sổ kế toán của Bảo hiểm Viễn Đông giảm hơn 10% thì Bảo Hiểm Viễn Đông phải thông báo điều

đó cho tất cả chủ nợ biết trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày thanh toán hết số cổ phần mua lại.

Điều 15. Thu hồi tiền thanh toán cổ phần mua lại

Trường hợp việc thanh toán cổ phần mua lại trái với quy định của Điều lệ này thì các cổ đông phải hoàn trả cho Bảo Hiểm Viễn Đông số tiền, tài sản đã nhận; trường hợp cổ đông không hoàn trả được thì cổ đông đó và tất cả các thành viên HĐQT phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Bảo Hiểm Viễn Đông trong phạm vi giá trị số tiền, tài sản đã trả cho cổ đông mà chưa được hoàn lại.

V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT

Điều 16. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát

Cơ cấu tổ chức quản lý, quản trị và kiểm soát của Bảo hiểm Viễn Đông bao gồm:

1. Đại hội đồng cổ đông
2. Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát
3. Tổng giám đốc

VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 17. Quyền của cổ đông

1. Cổ đông phổ thông có các quyền sau:

- a. Tham dự, phát biểu trong cuộc họp ĐHĐCĐ và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua người đại diện theo ủy quyền hoặc hình thức khác do Điều lệ công ty, pháp luật quy định. Mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết;
- b. Nhận cổ tức với mức theo quyết định của ĐHĐCĐ;
- c. Ưu tiên mua cổ phần mới tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của từng cổ đông trong Bảo hiểm Viễn Đông;
- d. Tự do chuyển nhượng cổ phần của mình cho người khác, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 120, khoản 1 Điều 127 Luật Doanh nghiệp và quy định khác của pháp luật có liên quan;
- e. Xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình;
- f. Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Nghị quyết ĐHĐCĐ;
- g. Khi Bảo hiểm Viễn Đông giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần tại Bảo hiểm Viễn Đông;
- h. Yêu cầu Bảo hiểm Viễn Đông mua lại cổ phần trong các trường hợp quy định tại Điều 132 Luật Doanh nghiệp;
- i. Được đối xử bình đẳng. Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho cổ đông sở hữu các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau. Trường hợp Bảo hiểm Viễn Đông có các loại cổ phần ưu đãi, các quyền và nghĩa vụ gắn liền với các loại cổ phần ưu đãi phải được ĐHĐCĐ thông qua và công bố đầy đủ cho cổ đông;
- j. Được tiếp cận đầy đủ thông tin định kỳ và thông tin bất thường do Bảo hiểm Viễn Đông công bố theo quy định của pháp luật;

- k. Được bảo vệ các quyền, lợi ích hợp pháp của mình; đề nghị đình chỉ, hủy bỏ nghị quyết, quyết định của ĐHĐCĐ, HĐQT theo quy định của Luật Doanh nghiệp;
 - l. Được tự ứng cử vào HĐQT và BKS của Bảo hiểm Viễn Đông;
 - m. Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có các quyền sau:
- a. Xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của HĐQT, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm, báo cáo của BKS, hợp đồng, giao dịch phải thông qua HĐQT và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của công ty;
 - b. Yêu cầu triệu tập họp ĐHĐCĐ trong trường hợp quy định tại khoản 3, khoản 4 Điều 115 Luật Doanh nghiệp;
 - c. Yêu cầu BKS kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Bảo hiểm Viễn Đông khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải bằng văn bản và phải bao gồm các nội dung sau đây: họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;
 - d. Quyền khác theo quy định của Luật này và Điều lệ công ty.
3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào HĐQT, BKS. Việc đề cử người vào HĐQT, BKS thực hiện như sau:
- a. Các cổ đông phổ thông họp thành nhóm để đề cử người vào HĐQT và BKS phải thông báo về việc họp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc ĐHĐCĐ;
 - b. Căn cứ số lượng thành viên HĐQT và BKS, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của ĐHĐCĐ làm ứng cử viên HĐQT và BKS. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của ĐHĐCĐ thì số ứng cử viên còn lại do HĐQT, BKS và các cổ đông khác đề cử.
4. Quyền của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi:
- Cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi cổ tức và cổ phần ưu đãi hoàn lại có các quyền như cổ đông phổ thông ngoại trừ quyền biểu quyết, dự họp ĐHĐCĐ, tự ứng cử, đề cử người vào HĐQT và BKS.

Điều 18. Nghĩa vụ của cổ đông

Cổ đông phổ thông có các nghĩa vụ sau:

1. Thanh toán đủ và đúng thời hạn số cổ phần cam kết mua.
2. Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi Bảo hiểm Viễn Đông dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được Bảo hiểm Viễn Đông hoặc người khác mua lại cổ phần. Trường hợp có cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì cổ đông đó và người có lợi ích liên quan trong Bảo hiểm Viễn Đông phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Bảo hiểm Viễn Đông trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút và các thiệt hại xảy ra.
3. Tuân thủ Điều lệ công ty và Quy chế quản lý nội bộ của Bảo hiểm Viễn Đông.
4. Chấp hành Nghị quyết, quyết định của ĐHĐCĐ, HĐQT.

5. Bảo mật các thông tin được Bảo hiểm Viễn Đông cung cấp theo quy định tại Điều lệ công ty và pháp luật; chỉ sử dụng thông tin được cung cấp để thực hiện và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; nghiêm cấm phát tán hoặc sao, gửi thông tin được Bảo hiểm Viễn Đông cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác.
6. Tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết thông qua các hình thức sau:
 - a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
 - b. Ủy quyền cho cá nhân, tổ chức khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;
 - c. Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
 - d. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;
 - đ. Gửi phiếu biểu quyết theo quy định trong Điều lệ công ty.
7. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Bảo hiểm Viễn Đông dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:
 - a. Vi phạm pháp luật;
 - b. Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;
 - c. Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước các rủi ro tài chính đối với Bảo hiểm Viễn Đông.
8. Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 19. Nghĩa vụ báo cáo về sở hữu của cổ đông lớn

1. Tổ chức, cá nhân trở thành cổ đông lớn của Bảo hiểm Viễn Đông có nghĩa vụ báo cáo cho Bảo hiểm Viễn Đông trong thời hạn 07 ngày, kể từ ngày trở thành cổ đông lớn.
2. Báo cáo về sở hữu của cổ đông lớn bao gồm các nội dung sau:
 - a. Tên, địa chỉ, ngành, nghề kinh doanh đối với cổ đông lớn là tổ chức; họ tên, tuổi, quốc tịch, nơi cư trú, nghề nghiệp đối với cổ đông lớn là cá nhân;
 - b. Số lượng và tỷ lệ phần trăm cổ phiếu do tổ chức, cá nhân sở hữu hoặc cùng với tổ chức, cá nhân khác sở hữu trên tổng số cổ phiếu đang lưu hành.

Điều 20. Đại hội đồng cổ đông

1. ĐHĐCĐ gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Bảo hiểm Viễn Đông. ĐHĐCĐ hoạt động thông qua cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên, ĐHĐCĐ bất thường hoặc thông qua việc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản.
2. Các cuộc họp của ĐHĐCĐ phải có đủ số lượng cổ đông tham dự tối thiểu theo quy định tại Điều lệ này.
3. Quyết định của ĐHĐCĐ chỉ có hiệu lực thi hành khi các cổ đông hoặc đại diện thông qua theo đúng quy định của Điều lệ này.
4. Tất cả chi phí cần thiết để triệu tập và tiến hành ĐHĐCĐ sẽ do Bảo hiểm Viễn Đông chi trả. Các chi phí mang tính cá nhân như chi phí đi lại, ăn, ở do cổ đông tự chịu.
5. ĐHĐCĐ họp thường niên mỗi năm một lần và trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Trường hợp không tiến hành họp được trong thời hạn trên, thì HĐQT có thể xin Bộ Tài chính cho gia hạn nhưng không quá 06 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài